TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Nhàn

2. Bà Hoài Thị Hà Khuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXX-ST ngày 08/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P; địa chỉ: Thôn 2 T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; nơi đăng ký thường trú: Thôn 2 T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Khu chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn với nhau do tự nguyện, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang năm 2010. Quá trình chung sống đôi bên xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết

quả, hiện anh chị đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn đôi bên đã trầm trọng không còn khả năng khắc phục nên chị P xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị P và anh T có hai con là Nguyễn Đức M sinh ngày 03/6/2011 và Nguyễn Phương T sinh ngày 16/10/2014. Khi ly hôn chị P đề nghị được nuôi con Nguyễn P T, để cho anh T nuôi con Nguyễn Đức M; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Thừa nhận trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Anh T có quan điểm đồng ý ly hôn và nhận nuôi con Nguyễn Đức M, để cho chị P nuôi con Nguyễn P T; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T; về con chung, giao con Nguyễn Phương T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Đức M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P và anh T được UBND xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang cấp chứng nhận kết hôn số 66 ngày 17/12/2010 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã căng thẳng, trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Các bên có hai con chung như trình bày ở trên là đúng. Xét nguyện vọng của các con và điều kiện nuôi con; nên giao con Nguyễn Phương T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Đức M cho anh T trực tiếp nuôi

dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên cũng như đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của các con.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị P, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Chị P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con Nguyễn Phương T sinh ngày 16/10/2014 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Đức M sinh ngày 03/6/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị P, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4505 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng